

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG SU PHÌ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2019/HSST
Ngày 15 tháng 5 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ- TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Cao Danh Nhân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Tiến Tăng** và ông **Lùng Minh**

Chương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Vương Thị Minh Khuê** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì tham gia phiên tòa:
Ông **Lù Minh Tiên** - Kiểm sát viên.

Hồi 14h 00' ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoàng Su Phì xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐ-HSST ngày 03/5/2019 đối với bị cáo:

1.H và tên: **Phan Phúc S** (Tên gọi khác: không); sinh năm: 1957. Nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/10. Con ông: Phan Giào C; SN: 1920; con bà: Triệu Mùi M; SN: 1922 (đều đã chết). Có vợ là: Giàng Thị M1; SN: 1964 (đã ly hôn); Có 01 con là Phan Ngọc Minh P1; sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/11/2015 UBND huyện Hoàng Su Phì xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến nay đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hoàng Su Phì. Có mặt .

2. Người bị hại:

2.1. Bà Lý Mùi M2; SN: 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Hoàng Su Phì. Tỉnh Hà Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M2:

Anh Hoàng Ngọc Chung- Trợ giúp viên pháp lý.

Đơn vị công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2.2. Ông Nông Văn Ng; SN: 1973

Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2.3 Ông Triệu Chàn H; SN: 1968

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phan Thị L; SN: 1959.

Nơi cư trú: Số nhà x, Đường P, tổ x, phường Minh Khai, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Người làm chứng :

4. Anh Nông Đình N1; SN: 1992 .

Địa chỉ: Thôn V, xã Y, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

4.2. Chị Lý Mùi N2; SN: 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Hoàng Su Phì. Tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4.3. Anh Lý Văn Q; SN: 1985 .

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Hoàng Su Phì. Tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

4.4. Chị Triệu Mùi C; SN: 1992.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Bắc Quang. Tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Phúc S, sinh năm 1957, trú tại thôn K, xã T, huyện Hoàng Su Phì do nợ nần không có tiền để trả các khoản nợ trước đó, nên vào khoảng tháng 4/2017 S đã nảy sinh ý định Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức nhận tiền, hồ sơ xin việc làm. Sau đó S nhiều lần đi lên xã N chơi và quen với Lý Văn Q, trú tại thôn T, xã N, huyện Hoàng Su Phì. Trong những lần đến chơi, nói chuyện với Q, S biết được Q có em gái là Lý Mùi N2 Học sư phạm ra trường đang có nhu cầu xin việc làm, dù không có khả năng xin việc làm nhưng S đã đưa ra những thông tin về bản thân là có nhiều mối quan hệ với nhiều người làm ở các cơ quan của tỉnh Hà Giang và nói dối là có khả năng xin được việc làm cho N2. Khoảng đầu tháng 7/2017 (không nhớ ngày cụ thể), Nông Đình N1 là chồng của N2 đang ngồi uống nước tại nhà Q thì Q nhìn thấy S đang bơm xăng ở nhà đối diện, nên Q đã gọi S về nhà mình uống nước, giới thiệu S cho N1 biết và nói rằng S có nhiều mối quan hệ, quen biết có khả năng xin được việc làm, rồi Q đi sửa xe máy. Còn N1 đã trao đổi, nói chuyện với S là muốn xin cho vợ đi làm nhà nước thì S vẫn đưa ra những thông tin gian dối về bản thân có khả năng xin được vào làm tại phòng giáo dục huyện Hoàng Su Phì, S nói với N1 chi phí xin việc hết 100 triệu đồng, nhưng phải đưa trước cho S 50 triệu đồng, còn lại 50 triệu đồng sẽ đưa sau khi có quyết định đi làm. Nghe S nói vậy N1 tin tưởng về bản bạc với N2 và bố mẹ đẻ hai bên. Khi biết được thông tin như vậy ông Ng và bà M2 nhất trí nhờ bị cáo xin việc cho N2 và 2 gia đình thống nhất, ông Ng góp số tiền 30 triệu đồng, bà M2 góp số tiền 20 triệu đồng. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/7/2017, ông Ng mang theo 30 triệu đồng và 01 bộ hồ sơ xin việc của Lý Mùi N2 lên nhà bà M2. Khi ông Ng đến nơi bà M2 đưa cho ông Ng 20 triệu đồng, tổng cộng ông Ng cầm 50 triệu đồng. Sau đó ông Ng gọi điện, hẹn S đến nhà bà M2, đến khoảng 18 giờ cùng ngày S đến nhà bà M2 thì thấy bà M2, anh Q và ông Ng đang ngồi ở bàn uống nước, S đi vào nhà ngồi uống nước, nói chuyện cùng. Trong lúc ngồi uống nước S lại tiếp tục đưa ra thông tin với bà M2, anh Q và ông Ng là S có nhiều mối quan hệ với cán bộ các cơ quan ở tỉnh Hà Giang, có khả năng xin việc cho N2 vào làm ở Phòng giáo dục huyện

Hoàng Su Phì. Ông Ng hỏi chi phí xin việc cho N2 thì S lại nói hết 100 triệu đồng nhưng phải đưa trước cho S 50 triệu đồng và bộ hồ sơ xin việc, sau khi đi làm sẽ phải đưa 50 triệu đồng còn lại. Do tin tưởng ông Ng đã đưa cho S nhận 01 bộ hồ sơ xin việc mang tên Lý Mùi N2 và số tiền 50 triệu đồng. Nhận tiền và hồ sơ từ ông Ng, S hẹn đến ngày 30/09/2017 sẽ xin được việc làm cho N2 và tự viết 01 giấy vay tiền giao cho ông Ng, mục đích S viết giấy với hình thức vay tiền như vậy là để che giấu hành vi phạm tội của mình. Sau khi nhận hồ sơ xin việc và số tiền trên, S mang hồ sơ xin việc của N2 về nhà trọ cất giữ. Đến khoảng tháng 9/2017 do đến thời hạn đã hứa không thực hiện được, S đem hồ sơ xin việc của N2 lên xã Nậm Ty đưa cho Q và nói với Q khi nào có thông báo thì tự đem hồ sơ đi nộp ở Phòng nội vụ huyện Hoàng Su Phì. Còn số tiền 50 triệu đồng S đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết, không có khả năng trả lại cho ông Ng. Ông Ng đã nhiều lần gọi điện cho bị cáo để đòi lại số tiền nhưng không liên lạc được. Ngày 3/12/2018 ông Ng đã có đơn gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì tố cáo hành vi phạm tội lừa đảo của S.

Ngoài ra trong quá trình điều tra còn chứng minh làm rõ Phan Phúc S còn thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản cụ thể: Khoảng thời gian từ năm 2013 đến 2014 bị can thuê trọ và sinh sống ở gần nhà ông Triệu Chàn H, sinh năm 1968, tại thôn Chu Hạ, xã Tân Lập, huyện Bắc Quang. Không có tiền nên S đã nảy sinh ý định lừa lấy tiền của ông H để chi tiêu cá nhân. S biết ông H có con gái tên Triệu Mùi C, sinh năm 1992 đang học đại học sắp ra trường có nhu cầu xin việc làm. S đã chủ động tiếp cận ông H để tạo lòng tin, những lần gặp gỡ, nói chuyện S chủ động nói với ông H là có quan hệ quen biết với nhiều người làm ở huyện Hoàng Su Phì có khả năng xin được việc làm ở cơ quan Nhà nước, tạo lòng tin để H nhờ xin việc cho C. Khoảng cuối tháng 4/2017 S chuyển đến thuê trọ tại xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Su Phì, nhưng S vẫn thường xuyên đến nhà ông H và tiếp tục nói về việc có nhiều mối quan hệ và cho ông H biết sẽ sẵn sàng giúp ông H xin việc cho C, thấy S nói vậy, nên Ông H tin tưởng và nhờ xin việc cho con. Quá trình trao đổi S nói cho ông H biết chi phí xin việc cho C hết 80 triệu đồng nhưng phải đưa trước cho S 20 triệu đồng, ông H đồng ý. Đến sáng ngày 07/5/2017 ông H đến nhà S thuê trọ thuộc thôn Khu Chợ, xã Thông Nguyên đưa cho S 20 triệu đồng. Sau đó S đã viết giấy nhận tiền thể hiện nội dung “ S nhận số tiền 20 triệu đồng để xin việc cho con gái ông H là Triệu Mùi C và hẹn đến hết tháng 7/2017 sẽ xin được việc, nếu không sẽ phải hoàn trả số tiền ”. Do hồ sơ xin việc của C chưa hoàn thiện nên khoảng một tuần, sau khi nhận tiền S đã tự đến nhà ông H nhận 01 bộ hồ sơ mang tên Triệu Mùi C. Sau khi nhận tiền và hồ sơ, S mang hồ sơ về nhà trọ cất, còn số tiền 20 triệu đồng S tiêu sài cá nhân hết. Do không xin được việc như đã hứa, bị cáo trả lại hồ sơ cho ông H. Sau đó được biết UBND huyện Hoàng Su Phì tuyển dụng cán bộ, vào tháng 12/2017 Triệu Mùi C lại nộp hồ sơ xin việc mà bị cáo trả lại tại phòng nội vụ huyện Hoàng Su Phì, có tham gia dự thi nhưng không đạt. Do đòi nhiều lần bị cáo không trả tiền nên ông H đã tố cáo, hành vi của bị cáo đã bị phát hiện.

Phần dân sự: Quá trình điều tra, ngày 15/2/2019 bị can có nhờ em gái là bà Phan Thị L, sinh năm 1959, bồi thường cho bị hại Triệu Chàn H với số tiền là: 04

triệu đồng, bị hại Nông Văn Ng số tiền là: 06 triệu đồng, khi nhận được tiền ông Ng đưa cho bà M2 03 triệu đồng.

Tại phiên toà các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại ông Triệu Chàn H 16 triệu đồng, ông Nông Văn Ng 27 triệu đồng, bà Lý Mùi M2 17 triệu đồng, ông Ng, ông H đề Ng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 02 (một) hồ sơ xin việc mang tên Lý Mùi N2 và Triệu Mùi C, trong hồ sơ gồm có các tài liệu: sơ yếu lý lịch, đơn xin tuyển dụng; bảng điểm, giấy khám sức khỏe, bản sao giấy khai sinh, bản sao bằng tốt nghiệp, bản sao giấy chứng nhận đào tạo tin học, bản sao chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, bản phô tô học bạ trung học phổ thông phân ban; bản phô tô sổ hộ khẩu gia đình vv...

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSHSP ngày 02/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì đã truy tố bị cáo Phan Phúc S về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố và trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát đề Ng áp dụng bị cáo phải chịu 1 tình tiết tăng nặng qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 và được hưởng 2 tình tiết giảm nhẹ: Đã tác động nhờ người thân bồi thường 1 phần cho bị hại, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải qui định tại điểm b,s khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự cần chấp nhận yêu cầu của các bị hại buộc bị cáo phải trả lại cho ông Triệu Chàn H 16 triệu đồng, ông Nông Văn Ng 27 triệu đồng và bà Lý Mùi M2 17 triệu đồng. Ngoài ra không áp dụng hình phạt bổ sung, bị cáo phải chịu án phí theo qui định.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại phát biểu quan điểm đề Ng áp dụng điểm c khoản 2 điều 174, và điểm g khoản 1 điều 52, điểm b, s điều 51 Bộ luật hình sự để ấn định mức án phù hợp. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo phải trả lại cho ông Nông Văn Ng và bà Lý Mùi M2 số tiền còn lại là 44 triệu đồng.

Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố. Tại phần tranh luận và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do hoàn cảnh hiện nay gặp nhiều khó khăn vợ đã ly hôn và đi nơi khác sinh sống. Các bị hại đề nghị xử lý hành vi của bị cáo theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào nội dung vụ án, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tổ tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Hoàng Su Phì, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tố tụng giải quyết vụ án. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của

cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều đảm bảo tính hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, do có ý thức chiếm đoạt tiền để tiêu sài, bị cáo đã dung thủ đoạn gian dối. Trong thời gian sinh sống ở xã Thông Nguyên, khi tiếp xúc với những gia đình có con em đã học xong đại học hoặc chuyên nghiệp bị cáo đã tạo niềm tin cho các bị hại bằng cách đưa ra những thông tin giả: bị cáo có nhiều người quen ở các cơ quan trong tỉnh có thể xin được việc làm tại cơ quan nhà nước và có hứa hẹn cụ thể thời gian được tuyển dụng, làm việc. Phương thức thực hiện hành vi của bị cáo là tiếp nhận hồ sơ xin việc, sau đó nhận tiền của các bị hại. Cụ thể vào ngày 12/7/2017 bị cáo đã nhận hồ sơ và tiền của bà Lý Mùi M2, ông Nông Văn Ng 50 triệu đồng, trước đó vào tháng 4/2017 bị cáo còn nhận hồ sơ xin việc và tiền của ông Triệu Chàn H 20 triệu đồng. Khi nhận hồ sơ xong bị cáo biết rằng không có khả năng xin được việc làm, không phải là người có chức trách tuyển dụng cán bộ nhưng vẫn hứa cụ thể thời gian cho các bị hại được vào làm việc tại cơ quan nhà nước, còn số tiền đã tiêu sài cá nhân hết. Như vậy bị cáo đã có hành vi lừa dối để 2 lần chiếm đoạt được 70 triệu đồng, khi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Như vậy hành vi của bị cáo Phan Phúc S đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng việc truy tố để xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã đưa ra thông tin giả dối để ông H, anh Ng, chị M2 tin để đưa cho bị cáo tổng số tiền 70 triệu đồng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài bị cáo vẫn cố tình thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, ảnh hưởng đến tình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó phải áp dụng một mức án phù nghiêm khắc, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có cơ hội giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đáp ứng được công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: bị cáo có nhân thân xấu, năm 2015 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc (đã chấp hành). Về tình tiết tăng nặng, bị cáo 2 lần thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, sau khi xảy ra bị cáo đã nhờ gia đình để bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, bị hại có đề Ng xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị của VKS, của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại về tội danh, hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, về trách nhiệm bồi thường là có cơ sở cần chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo đang có khó khăn về kinh tế, thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Triệu Chàn H yêu cầu bị cáo trả lại 16 triệu đồng, anh Ng yêu cầu trả lại 27 triệu đồng, chị M2 yêu cầu trả lại 17 triệu đồng, bị cáo nhất trí nên cần nghị nhận. Số tiền 10 triệu đồng bà Phan Thị L đã bồi thường cho người bị hại đến nay không yêu cầu bị cáo thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: 02 hồ sơ xin việc mang tên Lý Mùi N2 và Triệu Mùi C, trong hồ sơ gồm có các tài liệu: sơ yếu lý lịch, đơn xin tuyển dụng; bảng điểm, giấy khám sức khỏe, bản sao giấy khai sinh, bản sao bằng tốt nghiệp, bản sao giấy chứng nhận đào tạo tin học, bản sao chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, bản phô tô học bạ trung học phổ thông phân ban; bản phô tô sổ hộ khẩu gia đình vv... cần trả lại cho chủ sở hữu và cơ quan đang quản lý.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Phan Phúc S** phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt bị cáo Phan Phúc S **30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 08/12/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Phan Phúc S phải trả lại cho ông Triệu Chàn H 16.000.000,đ (mười sáu triệu đồng); ông Nông Văn Ng 27.000.000,đ (hai mươi bảy triệu đồng), bà Lý Mùi M2 17.000.000,đ (Mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về vật chứng: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho phòng Nội vụ huyện Hoàng Su Phì 01 hồ sơ mang tên Lý Mùi C, trả lại 01 hồ sơ mang tên Lý Mùi N2 cho anh Lý Văn Q. Tình trạng vật chứng có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Công an huyện Hoàng Su Phì và Chi cục Thi hành án huyện Hoàng Su Phì ngày 02/4/2019.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Ng quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phan Phúc S phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.000.000,đ (ba triệu đồng) án phí có giá ngạch.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt những người tham gia tố tụng. Toà báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện theo pháp luật của bị hại, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh,
- VKSND huyện;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Công an HSP;
- Chi cục THADS HSP;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- UBND xã Thông Nguyên;
- Lưu HS+THAPT+BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Cao Danh Nhân